

BẢNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯ KỸ Ở TRẺ EM (C.A.R.S)

Thông tin về cá nhân

1. Họ và tên bé :
2. Ngày sinh:
3. Giới tính : Nam Nữ
4. Nơi ở Thành thị Nông thôn
5. Nghề nghiệp Bố
 Mẹ
6. Sinh thường Sinh mổ Sinh khác :
7. Sinh : Khóc ngay Không khóc ngay Đủ tháng Thiếu tháng
8. Ngày thực hiện :

Lời hướng dẫn: Trong mỗi lĩnh vực, đánh giá hành vi có liên quan đến mỗi tiêu chí của thang đo. Tại mỗi mục, khoanh tròn vào số tương ứng với tình trạng mô tả đúng nhất về trẻ. Bạn có thể chỉ ra đặc điểm của trẻ với tình trạng nằm giữa hai mức độ bằng việc cho điểm 1,5; 2,5; hoặc 3,5. Mỗi mức độ có các tiêu chuẩn đánh giá ngắn gọn.

	I. QUAN HỆ XÃ HỘI		II. BẮT CHƯỚC
1	Không biểu hiện khó khăn hoặc bất thường trong quan hệ với mọi người. Hành vi của trẻ tương ứng với tuổi. Một chút nhút nhát, nhặng nhít hoặc khó chịu khi bị yêu cầu làm một việc gì đó để quan sát, nhưng không tới mức độ bất thường.	1	Bắt chước giống như trẻ bình thường khác. Trẻ có thể bắt chước âm thanh, từ và các hành động phù hợp với khả năng của chúng.
1.5	Một chút bất thường trong quan hệ với mọi người. Trẻ có thể tránh nhìn vào mắt người lớn, tránh xa người lớn hoặc trở nên om sòm khi bị bắt buộc tương tác với ai đó, quá bẽn lễn, không có phản ứng với người lớn giống như trẻ bình thường hoặc bám chặt vào bố mẹ nhiều hơn trẻ cùng tuổi.	1.5	
2		2	Bất thường ở mức độ nhẹ về kỹ năng bắt chước. Hầu hết số lần yêu cầu, trẻ bắt chước được các hành vi đơn giản như vỗ tay hoặc phát ra các âm thanh đơn lẻ, đôi khi chỉ bắt chước sau khi được khích lệ hoặc sau một thời gian chờ đợi.
2.5		2.5	
3	Bất thường ở mức độ trung bình trong quan hệ với mọi người. Thỉnh thoảng trẻ thể hiện thái độ xa lánh (dường như không nhận thức hoặc không quan tâm đến người lớn). Đề thu hút sự chú ý của trẻ, đôi khi cần có những nỗ lực liên tục và mạnh mẽ. Trẻ vẫn duy trì giao tiếp nhưng ở mức rất hạn chế.	3	Bất thường mức độ trung bình về kỹ năng bắt chước. Trẻ chỉ bắt chước được một phần yêu cầu và đòi hỏi sự giúp đỡ liên tục của người lớn; Sự bắt chước đôi khi sau một thời gian chờ đợi.
3.5		3.5	
4	Bất thường ở mức độ nghiêm trọng trong quan hệ với mọi người. Trẻ luôn luôn tách biệt hoặc không nhận ra được những việc người lớn đang tác động đến trẻ. Trẻ hầu như không bao giờ đáp ứng hoặc chủ động tiếp xúc với người lớn. Với bất kỳ tác động nào, chỉ có những nỗ lực liên tục nhất mới nhận được sự chú ý của trẻ.	4	Bất thường ở mức độ nghiêm trọng về kỹ năng bắt chước. Trẻ rất ít khi hoặc không bao giờ bắt chước âm thanh, từ ngữ hoặc các hành động ngay cả khi có sự khích lệ và giúp đỡ của người lớn.

<p>1</p> <p>1.5</p> <p>2</p> <p>2.5</p> <p>3</p> <p>3.5</p> <p>4</p>	<p>III. ĐÁP ỨNG TÌNH CẢM</p> <p>Đáp ứng tình cảm phù hợp với tuổi và phù hợp với hoàn cảnh. Trẻ cho thấy sự đáp ứng phù hợp về thể loại và mức độ tình cảm thông qua sự thay đổi biểu cảm trên nét mặt, điệu bộ và thái độ.</p> <p>Bất thường ở mức độ nhẹ về đáp ứng tình cảm. Đôi khi trẻ biểu lộ cách thức và mức độ đáp ứng tình cảm không phù hợp với tuổi. Đáp ứng đó đôi khi không liên quan đến đối tượng hoặc sự việc xung quanh.</p> <p>Bất thường ở mức trung bình về đáp ứng tình cảm. Trẻ biểu lộ một số dấu hiệu không phù hợp về cách thức và mức độ đáp ứng tình cảm. Đáp ứng của trẻ có thể rụt rè hoặc quá mức hoặc không liên quan đến tình huống; có biểu hiện nhút nhát, cười lớn hoặc trở nên máy móc ngay cả khi không có đối tượng hoặc sự việc gây xúc động xuất hiện</p> <p>Bất thường ở mức độ nặng trong đáp ứng tình cảm: đáp ứng của trẻ rất ít khi phù hợp với tình huống; một khi trẻ đang ở một tâm trạng nào đó thì rất khó có thể hướng sang tâm trạng khác. Ngược lại, trẻ có thể biểu hiện rất nhiều tâm trạng khác nhau ngay cả khi không có sự thay đổi nào cả.</p>	<p>1</p> <p>1.5</p> <p>2</p> <p>2.5</p> <p>3</p> <p>3.5</p> <p>4</p>	<p>IV. CÁC ĐỘNG TÁC CƠ THỂ</p> <p>Các động tác của cơ thể phù hợp với tuổi. Trẻ cử động thoải mái, linh hoạt và phối kết hợp các động tác như những trẻ bình thường cùng tuổi.</p> <p>Bất thường ở mức độ nhẹ các động tác cơ thể. Trẻ có một vài biểu hiện khác thường nhỏ, ví dụ như vụng về, động tác lặp đi lặp lại, sự phối hợp các động tác kém, hoặc đôi khi biểu hiện một số động tác bất thường.</p> <p>Bất thường (ở mức trung bình) các động tác cơ thể. So với trẻ bình thường cùng tuổi các hành vi của trẻ thực sự xa lạ hoặc bất thường, bao gồm: những cử động khác thường của ngón tay, điệu bộ cơ thể hoặc các ngón tay kỳ lạ, nhìn chăm chăm, tấn công một chỗ nào đó trên cơ thể, tự kích động bản thân, đu đưa, quay vòng tròn hoặc đi nhón năm đầu ngón chân.</p> <p>Bất thường ở mức nghiêm trọng các động tác cơ thể. Những động tác cơ thể bất thường được mô tả ở trên thể hiện liên tục và mãnh liệt hơn. Các hành vi bất thường này vẫn tồn tại cho dù đã có những cố gắng để hạn chế hoặc lôi kéo trẻ vào các hoạt động khác.</p>
<p>1</p> <p>1.5</p> <p>2</p> <p>2.5</p> <p>3</p> <p>3.5</p> <p>4</p>	<p>V. SỬ DỤNG ĐỒ VẬT</p> <p>Sử dụng đồ vật phù hợp, thích thú với đồ chơi và các đồ vật khác. Trẻ thể hiện sự thích thú một cách bình thường với đồ chơi so với tuổi, kỹ năng sử dụng những đồ chơi này đúng cách.</p> <p>Thiếu thích hợp nhỏ trong việc sử dụng đồ vật, thiếu thích thú với đồ chơi và các đồ vật khác. Trẻ biểu hiện thích thú bất thường với đồ chơi hoặc chơi với đồ chơi theo cách không thích hợp, cách trẻ con (ví dụ như đập hoặc mút đồ chơi).</p> <p>Thiếu thích hợp (trung bình) trong việc sử dụng đồ chơi và các đồ vật khác, bất thường trong yêu thích đồ chơi và các đồ vật khác. Trẻ có thể ít ham thích đến đồ chơi và các đồ vật khác hoặc có thể trẻ bị cuốn hút vào đồ chơi và các đồ vật khác một cách bất thường. Trẻ có thể tập trung vào một bộ phận không quan trọng của đồ chơi, bị thu hút vào phần không phản xạ ánh sáng, di chuyển lặp lại một bộ phận của đồ vật hoặc chỉ chơi riêng với một đồ vật.</p> <p>Thiếu thích hợp một cách nghiêm trọng trong việc sử dụng đồ chơi và các đồ vật khác, bất thường nghiêm trọng trong việc thích thú đồ vật. Trẻ có các hành vi bất thường được mô tả ở trên nhưng mức độ nặng hơn và nhiều hơn. Thật khó khăn để lôi kéo khi trẻ bị hút vào các hành vi đó.</p>	<p>1</p> <p>1.5</p> <p>2</p> <p>2.5</p> <p>3</p> <p>3.5</p> <p>4</p>	<p>VI. THÍCH NGHI VỚI SỰ THAY ĐỔI</p> <p>Đáp ứng lại sự thay đổi phù hợp với tuổi: trẻ quan sát hoặc nói về sự thay đổi hằng ngày với thái độ chấp nhận, không rơi vào tâm trạng lo lắng.</p> <p>Bất thường nhỏ trong việc thích nghi với sự thay đổi. Khi người lớn cố gắng thay đổi sự kiện, trẻ có thể vẫn tiếp tục thực hiện các hành động cũ hoặc sử dụng các đồ vật trước đó.</p> <p>Bất thường (mức độ trung bình) trong sự thích nghi với những thay đổi. Trẻ phản ứng mạnh mẽ đến sự thay đổi thói quen thông thường hằng ngày, tiếp tục duy trì các hành vi cũ và khó có thể lôi kéo trẻ đến hành vi mới. Trẻ có thể biểu lộ cáu giận hoặc buồn phiền khi những thói quen thông thường bị thay đổi.</p> <p>Bất thường trầm trọng trong việc thích nghi với sự thay đổi. Trẻ phản ứng gay gắt đối với sự thay đổi. Nếu bị buộc phải thay đổi, trẻ có thể trở nên cáu giận cực độ hoặc bất hợp tác và phản ứng lại với con thịnh nộ.</p>

	<p style="text-align: center;">VII. PHẢN ỨNG THỊ GIÁC</p> <p>1 Phản ứng thị giác bình thường và phù hợp với tuổi; Thị giác được phối hợp với các giác quan khác để khám phá đồ vật mới.</p> <p>1.5</p> <p>2 Bất thường nhỏ về thị giác nhìn. Tỉnh thoảng phải nhắc nhở trẻ chú ý đến mục tiêu. Trẻ thích nhìn vào gương hoặc tia sáng hơn bạn bè, thỉnh thoảng chăm chú nhìn lên khoảng không(nhìn mơ màng), hoặc tránh nhìn vào mắt người lớn.</p> <p>2.5 Bất thường mức trung bình về thị giác nhìn. Trẻ thường xuyên được nhắc nhìn vào những gì trẻ đang làm. Trẻ có thể nhìn chăm chăm vào khoảng không, tránh không nhìn vào mắt người lớn, nhìn vào đồ vật từ một góc độ bất thường, hoặc giữ đồ vật rất gần với mắt.</p> <p>3</p> <p>3.5</p> <p>4 Bất thường nghiêm trọng về thị giác nhìn . Trẻ luôn luôn tránh nhìn vào mắt người lớn hoặc các đồ vật cụ thể nào đó và thể hiện tính chất hết sức kỳ lạ về thị giác nhìn như đã được mô tả ở trên.</p>		<p style="text-align: center;">VIII. PHẢN ỨNG THÍNH GIÁC</p> <p>1 Phản ứng bằng thính giác phù hợp với tuổi. Khả năng nghe bình thường và phù hợp với tuổi. Thính giác được phối hợp cùng với các giác quan khác.</p> <p>1.5</p> <p>2 Bất thường nhỏ về hoạt động của thính giác. Trẻ đôi khi không phản ứng hoặc phản ứng nhẹ với một số loại âm thanh nhất định. Có thể phản ứng chậm trễ với âm thanh , và âm thanh cần được nhắc lại để lôi kéo sự chú ý của trẻ. Trẻ có thể bị phân tán bởi âm thanh bên ngoài.</p> <p>2.5 . Bất thường ở mức trung bình về khả năng nghe. Trẻ phản ứng với nhiều loại âm thanh; Luôn bỏ qua âm thanh sau những lần nghe đầu tiên; Có thể giật mình hoặc bịt tai khi nghe thấy những âm thanh thường ngày.</p> <p>3</p> <p>3.5</p> <p>4 Bất thường nghiêm trọng về hoạt động của thính giác: Trẻ quá phản ứng hoặc phản ứng dưới mức bình thường với âm thanh ở một mức độ khác thường cho dù đó là loại âm thanh nào.</p>
	<p style="text-align: center;">PHẢN ỨNG QUA VỊ, KHÚU VÀ XÚC GIÁC VÀ SỬ DỤNG NHỮNG GIÁC QUAN NÀY</p> <p>1 Hoạt động bình thường của các giác quan: ngửi, nếm, sờ mó-đụng chạm. Cách thức trẻ khám phá những đồ vật mới phù hợp với tuổi, thường thường là nhìn và đụng chạm. Ngửi và nếm được sử dụng khi cần. Khi phản ứng với những đau đớn nhỏ hàng ngày, thường ngày thì trẻ thể hiện sự khó chịu nhưng không quá phản ứng.</p> <p>1.5</p> <p>2 Bất thường nhẹ trong hoạt động của các giác quan: ngửi, nếm, sờ mó-đụng chạm . Trẻ có thể hay ngậm đồ vật, có thể bỏ qua hoặc phản ứng mạnh với những đau đớn nhẹ mà những trẻ bình thường chỉ thể hiện khó chịu.</p> <p>2.5</p> <p>3 Bất thường (mức trung bình) trong hoạt động của các giác quan: ngửi, nếm, sờ mó-đụng chạm. Trẻ có thể khó chịu ở mức độ vừa phải với sự đụng chạm. Trẻ ngửi, nếm đồ vật hoặc người. Trẻ có thể phản ứng quá mức hoặc dưới mức.</p> <p>3.5</p> <p>4 Bất thường nghiêm trọng trong hoạt động của các giác quan: ngửi, nếm, sờ mó-đụng chạm. Trẻ thực sự khó chịu với sự đụng chạm. Trẻ ngửi, nếm, sờ mó-đụng chạm đồ vật theo cảm giác hơn là khám phá thông thường. Trẻ có thể hoàn toàn bỏ qua cảm giác đau đớn hoặc phản ứng dữ dội với khó chịu nhỏ.</p>		<p style="text-align: center;">X. SỢ HÃI HOẶC HỒI HỘP</p> <p>1 Sợ hãi và hồi hộp một cách bình thường. Ứng xử của trẻ phù hợp với tình huống hoặc tuổi..</p> <p>1.5</p> <p>2 Bất thường nhẹ về sợ hãi và hồi hộp. Trẻ đôi khi thể hiện quá nhiều hoặc quá ít sự sợ hãi hoặc hồi hộp so với những trẻ bình thường trong tình huống tương tự.</p> <p>2.5</p> <p>3 Bất thường (ở mức độ trung bình) về sợ hãi và hồi hộp: Trẻ thể hiện sự sợ hãi hơi nhiều hoặc là hơi ít so với trẻ ít tháng hơn hoặc nhiều tháng hơn trong tình huống tương tự.</p> <p>3.5</p> <p>4 Bất thường nghiêm trọng về sợ hãi và hồi hộp. Luôn sợ hãi ngay cả khi gặp lại những tình huống hoặc đồ vật vô hại. Rất khó trấn an trẻ bình tĩnh hoặc thoải mái. Ngược lại trẻ không cho thấy sự chú ý cần thiết đến những nguy hiểm, trong khi trẻ bình thường biết tránh những nguy hiểm này.</p>

XI. GIAO TIẾP BẰNG LỜI		XII. GIAO TIẾP KHÔNG LỜI	
1	Giao tiếp bằng lời bình thường phù hợp với tuổi và tình huống.	1	Giao tiếp không lời bình thường, phù hợp với tuổi và tình huống.
1,5	Bắt đầu nhẹ về giao tiếp bằng lời. Trẻ chậm nói.	1,5	Bắt đầu nhẹ về giao tiếp không lời. Yếu kém trong việc dùng các đối thoại không lời. Trẻ có thể chỉ tay nhưng ở mức độ không rõ ràng, hoặc vươn tay tới cái mà trẻ muốn, trong khi đó trẻ bình thường cùng tuổi có thể chỉ rõ hoặc ra hiệu chính xác cho biết cái gì nó muốn.
2	Hầu hết lời nói có nghĩa; tuy nhiên có thể xuất hiện sự lặp lại máy móc hoặc phát âm bị đảo lộn. Đôi khi trẻ dùng một số từ khác thường hoặc không rõ nghĩa.	2	Bắt đầu (mức độ trung bình). Trẻ thường không diễn đạt được bằng cử chỉ, điệu bộ điều trẻ muốn. Trẻ không hiểu giao tiếp qua nét mặt, thái độ, cử chỉ của người khác.
2,5	Bắt đầu (mức độ trung bình) về giao tiếp bằng lời. Có thể không nói. Khi nói, giao tiếp bằng lời có thể lẫn lộn giữa những lời nói có nghĩa và không rõ nghĩa, lặp lại máy móc, hoặc phát âm đảo lộn. Lời nói có nghĩa cũng có khác thường như: câu hỏi thừa, Những khác thường trong ngôn ngữ giao tiếp có nghĩa bao gồm những câu hỏi thừa hoặc bận tâm, lo lắng về một chủ đề nào đó.	2,5	Bắt đầu nghiêm trọng về giao tiếp không lời. Trẻ thể hiện những cử chỉ kỳ lạ hoặc khác thường, người lớn không hiểu rõ nghĩa. Trẻ không nhận biết được các ý nghĩa của cử chỉ hoặc điệu bộ trên nét mặt của người khác.
3	Lời nói có nghĩa cũng có khác thường như: câu hỏi thừa, Những khác thường trong ngôn ngữ giao tiếp có nghĩa bao gồm những câu hỏi thừa hoặc bận tâm, lo lắng về một chủ đề nào đó.	3	
3,5	Bắt đầu nghiêm trọng về giao tiếp bằng lời. Lời nói không có nghĩa (không nói hay sử dụng ngôn ngữ tự phát, vô nghĩa). Trẻ kêu thét như trẻ mới sinh. Phát những âm thanh kỳ lạ hay những tiếng kêu của động vật. Có những âm thanh phức tạp gần giống ngôn ngữ. Phát âm lặp lại một số từ hay một số câu có nghĩa.	3,5	
4		4	
XIII. MỨC ĐỘ HOẠT ĐỘNG		XIV. ĐÁP ỨNG TRÍ TUỆ	
1	Mức độ hoạt động bình thường phù hợp với tuổi và tình huống. Trẻ không thể hiện hành động nhanh hơn hay chậm hơn trẻ bình thường cùng tuổi trong một tình huống tương tự.	1	Đáp ứng trí tuệ bình thường, phù hợp với tuổi. Trẻ chỉ mức độ hiểu biết như những trẻ bình thường và không chỉ hiểu biết khác thường hoặc chỉ vắn đề.
1,5	Bắt đầu nhẹ về mức độ hoạt động. Đôi khi trẻ hơi hiếu động hoặc có đôi chút lười và chuyển động chậm. Mức độ hoạt động của trẻ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động của trẻ.	1,5	Bắt đầu nhẹ về trí tuệ: Trẻ không thông minh như những trẻ bình thường cùng lứa tuổi; kỹ năng hơi chậm trên các lĩnh vực.
2		2	
2,5		2,5	
3	Bắt đầu (trung bình) về mức độ hoạt động. Trẻ có thể quá hiếu động và khó có thể dừng hành vi. Trẻ có thể hoạt động không biết mệt mỏi và có thể không muốn ngủ về đêm. Ngược lại, trẻ có thể thờ ơ và cần phải thúc giục rất nhiều mới làm cho trẻ vận động.	3	Bắt đầu (trung bình) về trí tuệ. Trẻ không thông minh như những trẻ bình thường cùng tuổi; tuy nhiên, trẻ có thể có chức năng gần như bình thường đối với một số lĩnh vực có liên quan đến trí tuệ.
3,5		3,5	
4	Bắt đầu nghiêm trọng về mức độ hoạt động. Trẻ thể hiện hoặc quá thụ động hoặc quá hiếu động và có thể thay đổi dễ dàng từ trạng thái quá này sang trạng thái quá kia.	4	Bắt đầu nghiêm trọng về trí tuệ. Trẻ thường không thông minh như những trẻ khác cùng lứa tuổi, nhưng trẻ có thể làm tốt hơn trẻ bình thường cùng tuổi trong một hoặc nhiều lĩnh vực.

XV ẮN TƯỢNG CHUNG	
1	Không tự kỷ: trẻ không biểu hiện các triệu chứng của tự kỷ.
1.5	Tự kỷ ở mức độ nhẹ: trẻ chỉ biểu hiện một vài triệu chứng tự kỷ hoặc chỉ ở mức độ nhẹ của tự kỷ.
2	
2.5	Tự kỷ ở mức độ trung bình: trẻ biểu hiện một số triệu chứng hoặc mức độ trung bình của tự kỷ.
3	
3.5	Tự kỷ ở mức độ nặng: trẻ biểu hiện nhiều triệu chứng hoặc ở mức độ điển hình của tự kỷ.
4	

CHẨN ĐOÁN VÀ PHÂN LOẠI TỰ KỶ

1. Đánh giá:

Mục Ngày	I	II	III	IV	V	VI	VI I	VI II	IX	X	XI	XI I	XI II	XI V	XV	Tổng

Ngày	Điểm	Không tự kỷ 15 – 30 điểm	Tự kỷ trung bình và nhẹ 30 – 36 điểm	Tự kỷ nặng 36 – 60 điểm